

Số /No: 59 /2020/CV-PTSV

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2020
Hanoi, March 24, 2020

CÔNG BỐ THÔNG TIN INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
The State Securities Commission
- Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia
National Financial Supervisory Commission
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Hanoi Stock Exchange
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Ho Chi Minh Stock Exchange

Công ty : Công ty Cổ phần Chứng khoán Pinetree
Name of Company : Pinetree Securities Corporation

Trụ sở chính : Tầng 20, tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh, Q.Đống Đa, Hà Nội
Headquarter : 20th Floor, TNR Building, 54A Nguyen Chi Thanh, Dong Da district, Hanoi

Điện thoại : 024.6276 1818 Fax: 024.6275 0077
Tel : 024.6276 1818 Fax: 024.6275 0077

Người được thực hiện công bố thông tin: Bà Phan Thị Phương Thủy
Submitted by : Ms. Phan Thi Phuong Thuy

Chức vụ : Trưởng phòng Quản trị Vận hành
Position : Head of Operation Management Department

Địa chỉ : Tầng 20, tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh, Q.Đống Đa, Hà Nội
Address : 20th Floor, TNR Building, 54A Nguyen Chi Thanh, Dong Da district, Hanoi

Điện thoại : 024.6276 1818 Fax: 024.6275 0077
Tel : 024.6276 1818 Fax: 024.6275 0077

Loại thông tin công bố: Định kỳ Bất thường 24h Theo yêu cầu
Disclosure information type: : Periodic Irregular 24h On demand

Nội dung thông tin công bố: *The content of disclosure information:*

- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 và Báo cáo tỷ lệ An toàn tài chính kiểm toán tại 31/12/2019.
The Audit Financial Statement for 2019 and The audit safe Ratio report at 31/12/2019.
- Công văn giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế năm 2019 so với năm 2018.
Document about explanation for the difference of profit after tax between 2019 and 2018.

Thông báo này và các tài liệu trên được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty:
www.pinetree.vn.
This information and above documents were disclosed on the Company's webpage and available at: www.pinetree.vn.



Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We declare that all information provided in this paper is true and accurate; and that we shall be held liable for any misrepresentation.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019;
- Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kiểm toán tại 31/12/2019;
- Công văn giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế năm 2019 so với năm 2018.

Người được ủy quyền công bố thông tin

For and behalf of Company

Representative authorized to disclosure information



Phan Thị Phương Thủy

TP. Quản trị Vận hành

Head of Operation Management Department



Số: 58 /PTSV - CV

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2020

V/v: Giải trình báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
ỦY BAN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán, Tổ chức niêm yết phải giải trình rõ nguyên nhân khi xảy ra trong trường hợp “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước”, Công ty Cổ phần Chứng khoán Pinetree xin giải trình về biến động kết quả kinh doanh năm 2019 (kỳ công bố) so với năm 2018.

MÃ	CHỈ TIÊU	NĂM 2019	NĂM 2018	% THAY ĐỔI
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)= (C)/(D)
1	Tổng doanh thu	22,454,332,016	13,817,784,792	163%
2	Tổng chi phí	27,056,742,985	8,651,679,052	313%
3	Kết quả hoạt động khác	(139,400,662)	(20,001,000)	
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (4) = (1)-(2)+(3)	(4,741,811,631)	5,146,104,740	
5	Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp	(90,558,995)	33,505,843	
6	LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (6) = (4)-(5)	(4,651,252,636)	5,112,598,897	-191%

Lợi nhuận sau thuế năm 2019 giảm 191% so với cùng kỳ năm 2018 do nguyên nhân chủ yếu sau:
Trong năm 2019, Hanwha Investment & Securities Co.,Ltd đã thực hiện mua lại cổ phiếu của phần lớn các cổ đông lớn của Công ty Cổ phần chứng khoán Pinetree, đồng thời phát hành thêm 51.500.000 cổ phiếu mới trong năm. Công ty đã thực hiện tăng vốn từ 100.000.000.000 đồng lên 615.000.000.000 đồng nhằm đáp ứng chiến lược mở rộng hoạt động kinh doanh và bổ sung thêm nghiệp vụ tự doanh chứng khoán vào danh mục kinh doanh của công ty. Ngoài ra, để phục vụ chiến lược nêu trên, trong năm 2019, công ty đã tuyển dụng thêm nhiều nhân sự mới và thực hiện chuyển sang trụ sở mới. Với các đặc điểm nêu trên, chi phí hoạt động, chi phí kinh doanh, doanh thu và các chi phí đầu tư tài sản cố định năm 2019 đều tăng mạnh so với năm 2018, tuy nhiên do Công ty đang



trong giai đoạn đầu tư ban đầu nên tốc độ tăng trưởng doanh thu chậm hơn nhiều so với sự tăng trưởng về mặt chi phí.

- ✓ Về doanh thu, tổng doanh thu toàn công ty vẫn tăng 163% so với cùng kỳ năm trước.
- ✓ Về chi phí, do công ty thực hiện cơ cấu chi phí do đó tổng chi phí của công ty tăng so với cùng kỳ năm ngoái là 313%.
- ✓ Do doanh thu năm 2019 tăng 163% và chi phí tăng 313% như phân tích ở trên do vậy lợi nhuận sau thuế năm 2019 giảm 191% so với cùng kỳ năm ngoái.

Trên đây là một số nguyên nhân chủ yếu dẫn đến kết quả kinh doanh năm 2019 thay đổi so từ 10% trở lên so với cùng kỳ năm trước của Công ty Cổ phần Chứng khoán Pinetree.

Kính báo cáo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.



TỔNG GIÁM ĐỐC

**TỔNG GIÁM ĐỐC
LEE JUN HYUCK**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PINETREE

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PINETREE

Tầng 20, Tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh,
Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-36
Báo cáo tình hình tài chính	06-09
Báo cáo kết quả hoạt động	10-11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12-14
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	15
Thuyết minh Báo cáo tài chính	16-36

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PINETREE

Tầng 20, Tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh,
Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Pinetree (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Pinetree (Trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán HFT) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 10/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 02 năm 2013, và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Công ty được Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103001480 lần đầu ngày 14 tháng 02 năm 2002, đăng ký điều chỉnh lần thứ hai ngày 22 tháng 05 năm 2006. Công ty được Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận thành viên lưu ký số 10/GCNTVLK lần đầu ngày 01 tháng 05 năm 2006 và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 20, Tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Kim Dong Wook	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 05 năm 2019
Ông Lee Jun Hyuck	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 05 năm 2019
Ông Nguyễn Huy Dương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 05 năm 2019
Bà Lê Quỳnh Trang	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 05 năm 2019
Ông Trần Tuấn Anh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 05 năm 2019
Ông Hoàng Như Hải	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 05 năm 2019

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lee Jun Hyuck	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 08 năm 2019
Ông Hoàng Như Hải	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 08 năm 2019

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Chu Thị Lựa	Trưởng ban	
Ông Lee Jun Hyeob	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 05 năm 2019
Ông Kim Ji Yoon	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 05 năm 2019
Bà Mai Thị Diệp	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 05 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Thanh Nga	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 05 năm 2019

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PINETREE

Tầng 20, Tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh,
Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lee Jun Hyuck
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Pinetree**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Pinetree được lập ngày 23 tháng 03 năm 2020, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Pinetree tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0725-2018-002-1

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2020

Đoàn Thị Thúy

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0937-2018-002-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		569.191.146.573	76.030.760.427
110	I. Tài sản tài chính		567.262.391.396	75.751.943.978
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	184.597.135.898	7.715.798.841
111.1	1.1 Tiền		44.597.135.898	7.715.798.841
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		140.000.000.000	-
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	12.760.130	26.310.858
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	5	294.875.685.000	43.070.169.000
114	4. Các khoản cho vay	5	67.091.177.939	24.366.385.337
116	5. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	6	-	(15.930.330)
117	6. Các khoản phải thu	7	4.302.995.555	244.347.841
117.2	6.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		4.302.995.555	244.347.841
117.3	6.1.1 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		-	4.757.012
117.4	6.1.2 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		4.302.995.555	239.590.829
118	7. Trả trước cho người bán		14.765.265.880	272.118.816
119	8. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	7	154.051.094	69.867.879
122	9. Các khoản phải thu khác	7	1.463.319.900	2.875.736
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		1.928.755.177	278.816.449
131	1. Tạm ứng		171.087.980	-
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	918.326.163	132.903.390
134	3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9	41.437.250	-
135	4. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		707.344.789	145.913.059
136	5. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		90.558.995	-

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		31.365.329.831	12.387.517.410
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		-	5.600.000.000
212	1. Các khoản đầu tư		-	5.600.000.000
212.1	1.1 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	5.600.000.000
220	II. Tài sản cố định		22.632.759.939	3.736.736.172
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	14.936.820.102	792.063.325
222	- Nguyên giá		16.206.739.453	1.593.807.744
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.269.919.351)	(801.744.419)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	7.695.939.837	2.944.672.847
228	- Nguyên giá		8.873.200.501	3.390.000.000
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.177.260.664)	(445.327.153)
250	V. Tài sản dài hạn khác		8.732.569.892	3.050.781.238
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	9	750.157.500	48.000.000
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	8	4.605.167.132	242.116.833
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	12	3.377.245.260	2.760.664.405
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		600.556.476.404	88.418.277.837

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.757.501.622	953.916.405
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		2.757.501.622	953.916.405
318	1. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	13	437.332.051	165.732.819
320	2. Phải trả người bán ngắn hạn	14	288.510.055	50.501.123
321	3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		20.000.000	20.000.000
322	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.005.275.215	336.677.435
323	5. Phải trả người lao động		169.814.736	-
325	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	836.069.565	116.348.374
329	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	500.000	264.656.654
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		597.798.974.782	87.464.361.432
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	597.798.974.782	87.464.361.432
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		615.000.000.000	100.000.000.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		615.000.000.000	100.000.000.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		615.000.000.000	100.000.000.000
415	2. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		1.321.976.000	1.321.976.000
417	3. Lợi nhuận chưa phân phối		(18.523.001.218)	(13.857.614.568)
417.1	3.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(18.513.297.990)	(13.857.614.568)
417.2	3.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(9.703.228)	-
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		600.556.476.404	88.418.277.837

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
006	1. Cổ phiếu đang lưu hành		61.500.000	10.000.000
008	2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	19	9.300.000	8.960.000
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	20	1.025.296.970.000	273.300.580.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		463.641.070.000	260.984.900.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		412.000.000	413.400.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		523.400.000.000	-
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		9.879.000.000	-
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		27.964.900.000	11.902.280.000
026	2. Tiền gửi của khách hàng	21	57.459.574.493	55.332.013.385
027	2.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		57.459.574.493	55.332.013.385
031	3. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	22	57.458.624.493	55.332.013.385
031.1	3.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		45.933.242.632	44.113.544.603
031.2	3.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		11.525.381.861	11.218.468.782
035	4. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	23	950.000	-

Trần Thị Minh Hiền
Người lập

Đinh Thị Lan Phương
Kế toán trưởng



Lee Jun Hyuck
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
01	1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	7.259.854	1.252.448
01.2	b.	Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	5.d) 6.689.952	-
01.3	c.	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	25.a) 569.902	1.252.448
02	1.2	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	25.a) 10.827.185.425	2.688.410.278
03	1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	25.a) 3.552.435.555	2.193.156.902
06	1.4	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	6.841.180.284	8.471.651.718
09	1.5	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	546.498.089	163.958.363
10	1.6	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	100.000.000	60.363.636
11	1.7	Thu nhập hoạt động khác	25.b) 30.540.255	23.180.080
20	Cộng doanh thu hoạt động		21.905.099.462	13.601.973.425
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
21	2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	20.240.680	-
21.1	a.	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	25.a) 3.847.500	-
21.2	b.	Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	5.d) 16.393.180	-
24	2.2	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	(15.930.330)	1.521.660
26	2.3	Chi phí hoạt động tự doanh	13.455	-
27	2.4	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	12.800.917.953	6.128.342.994
30	2.5	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	449.592.110	210.523.524
40	Cộng chi phí hoạt động		13.254.833.868	6.340.388.178

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019		Năm 2018	
			VND		VND	
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	26				
42	3.1 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định			549.232.554		215.811.367
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính			549.232.554		215.811.367
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	27				
52	4.1 Chi phí lãi vay			64.586.147		42.905.052
60	Cộng chi phí tài chính			64.586.147		42.905.052
61	V. CHI PHÍ BÁN HÀNG			-		-
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	28		13.737.322.970		2.268.385.822
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG			(4.602.410.969)		5.166.105.740
	VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC					
71	8.1 Thu nhập khác	29		87.401.917		-
72	8.2 Chi phí khác	30		226.802.579		20.001.000
80	Cộng kết quả hoạt động khác			(139.400.662)		(20.001.000)
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC			(4.741.811.631)		5.146.104.740
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện			(4.732.108.403)		5.146.104.740
92	9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện			(9.703.228)		-
100	X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	31		(90.558.995)		33.505.843
100.1	10.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(90.558.995)		33.505.843
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN			(4.651.252.636)		5.112.598.897
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	32		(178)		511

Trần Thị Minh Hiền
Người lập

Đinh Thị Lan Phương
Kế toán trưởng



Lee Jun Hyuck
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		(4.741.811.631)	5.146.104.740
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		1.062.999.132	423.668.303
03	- Khấu hao tài sản cố định		1.310.564.594	462.388.016
04	- Các khoản dự phòng		(15.930.330)	1.521.660
06	- Chi phí lãi vay		64.586.147	42.905.052
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(296.221.279)	(83.146.425)
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		16.393.180	-
11	- Lỗ đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		16.393.180	-
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(6.689.952)	-
19	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(6.689.952)	-
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(301.665.368.020)	3.393.739.748
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		3.847.500	-
32	- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		(246.205.516.000)	17.146.831.000
33	- Tăng (giảm) các khoản cho vay		(42.724.792.602)	(6.730.586.545)
36	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		(4.058.647.714)	(28.455.426)
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		(84.183.215)	(31.095.604)
39	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		(1.460.444.164)	(2.875.736)
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		(2.092.695.315)	(446.302.217)
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		719.721.191	49.152.463
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		(5.148.473.072)	90.527.819
43	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(33.505.843)	-
44	- Lãi vay đã trả		(64.586.147)	(43.044.375)
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		(1.381.319.562)	(69.998.877)
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		702.103.623	(87.626.228)
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		169.814.736	-
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		7.442.578	(6.452.786.526)
52	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(14.134.014)	-
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(305.334.477.291)	8.963.512.791

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(33.221.850.780)	(2.397.460.000)
62	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		72.800.000	-
65	5. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		364.865.128	83.146.425
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(32.784.185.652)	(2.314.313.575)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
71	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		515.000.000.000	-
73	3. Tiền vay gốc		52.088.946.000	76.491.871.000
74	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(52.088.946.000)	(76.491.871.000)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		515.000.000.000	-
90	IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong năm		176.881.337.057	6.649.199.216
101	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		7.715.798.841	1.066.599.625
101.1	- Tiền		7.715.798.841	1.066.599.625
103	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm		184.597.135.898	7.715.798.841
103.1	- Tiền		44.597.135.898	7.715.798.841
103.2	- Các khoản tương đương tiền		140.000.000.000	-

Trần Thị Minh Hiền
Người lập

Đinh Thị Lan Phương
Kế toán trưởng



Lee Jun Hyuck
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2020

**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA
KHÁCH HÀNG**

Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		5.398.510.424.102	2.898.489.324.100
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(5.451.800.891.902)	(2.748.610.437.300)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		339.040.880.729	401.439.580.541
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(283.622.851.821)	(562.493.483.286)
14	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		80.365.844.755	14.893.886.721
15	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(80.365.844.755)	(14.893.886.721)
20	Tăng/giảm tiền thuần trong năm		2.127.561.108	(11.175.015.945)
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		55.332.013.385	66.507.029.330
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		55.332.013.385	66.507.029.330
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		55.332.013.385	66.507.029.330
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	21	57.459.574.493	55.332.013.385
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		57.459.574.493	55.332.013.385
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		57.459.574.493	55.332.013.385


Trần Thị Minh Hiền
Người lập

Đinh Thị Lan Phương
Kế toán trưởngLee Jun Hyuck
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PINETREE

Tầng 20, Tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh,
Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2019

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối năm			
		01/01/2018		01/01/2019		31/12/2018		31/12/2019	
		VND	VND	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	VND	VND
I. Biến động vốn chủ sở hữu									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		100.000.000.000	100.000.000.000	-	-	515.000.000.000	-	100.000.000.000	615.000.000.000
1.1 Cổ phiếu phổ thông có		100.000.000.000	100.000.000.000	-	-	515.000.000.000	-	100.000.000.000	615.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính		1.321.976.000	1.321.976.000	-	-	-	-	1.321.976.000	1.321.976.000
3. Lợi nhuận chưa phân phối		(18.970.213.465)	(13.857.614.568)	5.112.598.897	-	(4.651.252.636)	14.134.014	(13.857.614.568)	(18.523.001.218)
3.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(18.970.213.465)	(13.857.614.568)	5.112.598.897	-	(4.641.549.408)	14.134.014	(13.857.614.568)	(18.513.297.990)
3.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		-	-	-	-	(9.703.228)	-	-	(9.703.228)
TỔNG CỘNG		82.351.762.535	87.464.361.432	5.112.598.897	-	510.348.747.364	14.134.014	87.464.361.432	597.798.974.782



Trần Thị Minh Hiền
Người lập



Đinh Thị Lan Phương
Kế toán trưởng



Lee Jun Hyuck
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Pinetree (Trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán HFT) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 10/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 02 năm 2013, và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Công ty được Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103001480 lần đầu ngày 14 tháng 02 năm 2002, đăng ký điều chỉnh lần thứ hai ngày 22 tháng 05 năm 2006. Công ty được Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận thành viên lưu ký số 10/GCNTVLK lần đầu ngày 01 tháng 05 năm 2006 và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 20, Tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 615.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 615.000.000.000 đồng; tương đương 61.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Tư vấn tài chính và Tự doanh chứng khoán.

1.3 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

- Trong năm 2019, Hanwha Investment & Securities Co.,Ltd đã thực hiện mua lại cổ phiếu của phần lớn các cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Chứng khoán Pinetree, đồng thời phát hành thêm 51.500.000 cổ phiếu mới trong năm. Điều này dẫn đến tại thời điểm 31/12/2019, Hanwha Investment & Securities Co.,Ltd chiếm đến 98,38% tổng vốn điều lệ theo đăng ký và nắm quyền kiểm soát hoàn toàn Công ty.
- Công ty tăng vốn từ 100.000.000.000 đồng lên 615.000.000.000 đồng nhằm đáp ứng chiến lược mở rộng hoạt động kinh doanh và bổ sung thêm nghiệp vụ tự doanh chứng khoán vào danh mục kinh doanh của Công ty. Theo giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 77/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31/12/2019, Công ty được bổ sung nghiệp vụ kinh doanh: Tự doanh chứng khoán. Trong năm 2019, Công ty chưa có nghiệp vụ liên quan đến tự doanh chứng khoán.
- Ngoài ra, để phục vụ các chiến lược nêu trên, trong năm 2019, Công ty đã tuyển dụng thêm nhiều nhân sự mới và thực hiện chuyển sang trụ sở mới tại địa chỉ: Tầng 20, Tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội.

Với các đặc điểm nêu trên, chi phí quản lý, chi phí hoạt động, doanh thu và các chi phí đầu tư tài sản cố định năm 2019 đều tăng mạnh so với năm 2018, tuy nhiên do Công ty đang trong giai đoạn đầu tư ban đầu nên tốc độ tăng trưởng doanh thu chậm hơn nhiều so với sự tăng trưởng về chi phí.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 06 năm 2000, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010); Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính, sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn hoặc thu hồi không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+2 theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2.4 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

a) *Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) *Nguyên tắc phân loại*

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM): là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, có kỳ hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Các khoản cho vay: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ: là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh;
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

c) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại FVTPL được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động theo 02 chi tiêu: chi tiêu "Lỗi các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá giảm) và chi tiêu "Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá tăng).

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư này khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên cơ sở sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

2.5 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Phải thu bán các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp: phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08/08/2019 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

2.6 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Thiết bị văn phòng	03 năm
- Các tài sản khác	05 năm
- Phần mềm giao dịch, phần mềm khác	03 - 07 năm

2.7 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.8 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

Các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán: phản ánh tình hình nhận và thanh toán khoản phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

2.9 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.10 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.11 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

2.12 . Doanh thu, thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, HTM được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

2.13 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.14 . Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính bao gồm

- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;
- Doanh thu, dự thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản cho vay;
- Doanh thu đầu tư khác;
- Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PINETREE

Tầng 20, Tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh,
Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm

- Chi phí lãi vay;

2.15 . Các khoản thuế

- a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

- b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019.

2.16 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.17 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.18 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm
		VND
Cửa nhà đầu tư	514.365.257	10.850.311.316.004
- Cổ phiếu	514.358.157	10.850.212.479.604
- Chứng khoán khác	7.100	98.836.400
	<u>514.365.257</u>	<u>10.850.311.316.004</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PINETREETầng 20, Tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh,
Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	-	12.195.745
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	44.597.135.898	7.703.603.096
Các khoản tương đương tiền	140.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	10.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Hà	50.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt	50.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở giao dịch	30.000.000.000	-
	184.597.135.898	7.715.798.841

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng, được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,8%/năm đến 5,0%/năm.

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	22.463.358	12.760.130	26.310.858	12.434.430
	22.463.358	12.760.130	26.310.858	12.434.430

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng trở lên	294.875.685.000	43.070.169.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	74.765.685.000	13.595.685.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	50.000.000.000	29.474.484.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở giao dịch	50.110.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hà Nội	50.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt	50.000.000.000	-
- Ngân hàng TNHH MTV Wooribank - Chi nhánh Hà Nội	20.000.000.000	-
	294.875.685.000	43.070.169.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) là tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 13 tháng, được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất 4,3%/năm đến 7,5%/năm.

c) Các khoản cho vay

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Hoạt động margin	45.976.732.939	19.492.189.337
Hoạt động ứng trước tiền bán	21.114.445.000	4.874.196.000
	67.091.177.939	24.366.385.337

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PINETREETầng 20, Tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh,
Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty Cổ phần Coreflex (*)	12.733.818.570	-
Công ty Cổ phần Công nghệ tin học và Dịch vụ Goline	1.283.731.200	200.000.000
Khoản trả trước khác	747.716.110	72.118.816
	14.765.265.880	272.118.816

(*) Đây là khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Coreflex theo hợp đồng thầu ngày 05/09/2019 để xây dựng hệ thống số cái chứng khoán Việt Nam. Giá trị hợp đồng là 2.186.071.480 KRW, Công ty đã trả trước cho nhà cung cấp này tương đương với 30% giá trị hợp đồng, đồng thời Công ty cũng đã ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp nhà thầu phải trả hộ nhà cung cấp này (chi tiết tại Thuyết minh 7). Thời gian thực hiện hợp đồng là 13 tháng, bắt đầu từ ngày 05/09/2019 đến ngày 04/10/2020.

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải thu lãi các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4.066.144.896	130.185.841
Phải thu lãi hoạt động Margin	236.334.435	105.062.316
Phải thu lãi hoạt động ứng trước tiền bán	516.224	4.342.672
Phải thu cổ tức, lãi đến ngày nhận	-	4.757.012
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	154.051.094	69.867.879
Phải thu tiền thuế nhà thầu của khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Coreflex để thực hiện hợp đồng (*)	1.416.085.037	-
Phải thu khác	47.234.863	2.875.736
	5.920.366.549	317.091.456

(*) Đây là thuế nhà thầu nộp hộ liên quan đến khoản trả trước cho người bán nước ngoài, chi tiết xem tại Thuyết minh số 6.

8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	33.071.553	26.682.422
Chi phí cước internet	130.190.655	10.670.968
Chi phí phần mềm	163.356.780	-
Tiền thuê nhà và học phí cho con người nước ngoài	324.939.549	-
Chi phí quảng bá thương hiệu	164.789.416	95.550.000
Khác	101.978.210	-
	918.326.163	132.903.390

b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.470.596.902	242.116.833
Chi phí bảo trì phần mềm, chi phí phần mềm	455.752.552	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.678.817.678	-
	4.605.167.132	242.116.833

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PINETREE

Tầng 20, Tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh,
Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

9 . CẦM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỘC

a) Ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Đặt cọc thuê nhà cho người nước ngoài	38.387.250	-
Khác	3.050.000	-
	41.437.250	-

b) Dài hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Đặt cọc hợp đồng thuê văn phòng	735.157.500	48.000.000
Khác	15.000.000	-
	750.157.500	48.000.000

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2019	1.077.822.400	515.985.344	-	1.593.807.744
Mua trong năm	14.765.259.709	-	99.572.000	14.864.831.709
Thanh lý, nhượng bán	(251.900.000)	-	-	(251.900.000)
Tại ngày 31/12/2019	15.591.182.109	515.985.344	99.572.000	16.206.739.453
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2019	285.759.075	515.985.344	-	801.744.419
Khấu hao trong năm	573.652.484	-	4.978.599	578.631.083
Thanh lý, nhượng bán	(110.456.151)	-	-	(110.456.151)
Tại ngày 31/12/2019	748.955.408	515.985.344	4.978.599	1.269.919.351
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2019	792.063.325	-	-	792.063.325
Tại ngày 31/12/2019	14.842.226.701	-	94.593.401	14.936.820.102

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 515.985.344 đồng

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm giao dịch, kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2019	3.390.000.000	3.390.000.000
Mua trong năm	5.483.200.501	5.483.200.501
Tại ngày 31/12/2019	8.873.200.501	8.873.200.501
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2019	445.327.153	445.327.153
Khấu hao trong năm	731.933.511	731.933.511
Tại ngày 31/12/2019	1.177.260.664	1.177.260.664
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2019	2.944.672.847	2.944.672.847
Tại ngày 31/12/2019	7.695.939.837	7.695.939.837

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PINETREETầng 20, Tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh,
Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

12 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	3.072.877.834	2.507.999.463
Tiền lãi phân bổ trong năm	184.367.426	132.664.942
Số dư cuối năm	<u>3.377.245.260</u>	<u>2.760.664.405</u>

13 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	392.775.056	145.682.780
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	44.556.995	20.050.039
	<u>437.332.051</u>	<u>165.732.819</u>

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ban Khách hàng Tổ chức Doanh nghiệp - Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn Thông Công ty Cổ phần Đầu tư và Cho thuê tài sản TNL	50.218.872	42.012.113
Công ty TNHH Truyền thông Tương tác	55.155.464	-
Phải trả các đối tượng khác	85.800.000	-
	97.335.719	8.489.010
	<u>288.510.055</u>	<u>50.501.123</u>

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	33.505.843
Thuế Thu nhập cá nhân	1.005.275.215	303.171.592
	<u>1.005.275.215</u>	<u>336.677.435</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Trích trước chi phí Hội nghị Hỗ trợ Lễ ra mắt thương hiệu Pinetree Securities ngày 04.12.2019	474.606.110	-
Trích trước chi phí bảo trì phần mềm theo hợp đồng số 12/HDKT/Goline-HFT	150.000.000	-
Chi phí phải trả khác	211.463.455	116.348.374
	<u>836.069.565</u>	<u>116.348.374</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PINETREETầng 20, Tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh,
Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải trả tiền hoa hồng môi giới	-	264.656.654
Phải trả khác	500.000	-
	500.000	264.656.654

18 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	31/12/2019 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2019 VND
Hanwha Investment & Securities Co.,Ltd	98,38%	605.050.000.000	0,00%	-
Nguyễn Huy Dương	1,61%	9.879.000.000	0,00%	-
Công ty Cổ phần Logistics Con Đường Xanh	0,00%	-	19,39%	19.392.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát Triển Con Đường Xanh	0,00%	-	14,66%	14.656.000.000
Lê Quỳnh Trang	0,00%	-	9,90%	9.900.000.000
Trần Tuấn Anh	0,00%	-	9,80%	9.800.000.000
Trần Thị Qua	0,00%	-	9,80%	9.800.000.000
Nguyễn Minh Hoàng	0,00%	-	9,80%	9.800.000.000
Lê Quỳnh Anh	0,00%	-	9,80%	9.800.000.000
Lương Thị Khánh Ly	0,00%	-	9,80%	9.800.000.000
Hoàng Như Hải	0,00%	-	6,50%	6.500.000.000
Vốn góp của cổ đông (dưới 5%)	0,01%	71.000.000	0,55%	552.000.000
	100%	615.000.000.000	100%	100.000.000.000

Theo Công văn số 5429/UBCK-QLKD về việc báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty cổ phần Chứng khoán HFT (nay là Công ty Cổ phần Chứng khoán Pinetree) ngày 09/09/2019, Công ty đã chào bán thành công 51.500.000 cổ phiếu, thu về 515.000.000.000 đồng.

Việc tăng vốn nhằm đáp ứng chiến lược mở rộng hoạt động kinh doanh và bổ sung thêm nghiệp vụ tự doanh chứng khoán vào danh mục kinh doanh của Công ty. Do đến ngày 31/12/2019, Công ty mới được bổ sung nghiệp vụ kinh doanh: Tự doanh chứng khoán nên trong năm 2019, Công ty chưa có nghiệp vụ liên quan đến tự doanh chứng khoán. Khoản tiền thu được từ phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ chủ yếu được Công ty sử dụng đầu tư ngắn hạn dưới hình thức gửi tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng thương mại với thời gian từ 01 tháng đến 13 tháng, ngoài ra còn tăng cường hoạt động cho vay Margin và ứng trước tiền bán chứng khoán cho Nhà đầu tư.

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	(18.513.297.990)	(13.857.614.568)
Lợi nhuận chưa thực hiện	(9.703.228)	-
	(18.523.001.218)	(13.857.614.568)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PINETREE

Tầng 20, Tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh,
Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn		
	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	(13.857.614.568)	(18.970.213.465)
Lỗ/lãi đã thực hiện năm nay tính từ đầu năm	(4.641.549.408)	5.112.598.897
Thuế GTGT phải nộp theo Biên bản kiểm tra thuế	(14.134.014)	-
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm tài chính	(18.513.297.990)	(13.857.614.568)
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối năm tài chính	<u>(18.513.297.990)</u>	<u>(13.857.614.568)</u>
d) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		
	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	615.000.000.000	100.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>100.000.000.000</i>	<i>100.000.000.000</i>
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	<i>515.000.000.000</i>	<i>-</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>615.000.000.000</i>	<i>100.000.000.000</i>
f) Cổ phiếu		
	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	61.500.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	61.500.000	10.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>61.500.000</i>	<i>10.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	61.500.000	10.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>61.500.000</i>	<i>10.000.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000
19 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN		
	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	9.300.000	8.960.000
	<u>9.300.000</u>	<u>8.960.000</u>
20 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ		
	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	463.641.070.000	260.984.900.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	412.000.000	413.400.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	523.400.000.000	-
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	9.879.000.000	-
Tài sản tài chính chờ thanh toán	27.964.900.000	11.902.280.000
	<u>1.025.296.970.000</u>	<u>273.300.580.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PINETREETầng 20, Tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh,
Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

21 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	57.459.574.493	55.332.013.385
1. Nhà đầu tư trong nước	45.934.192.632	44.113.544.603
2. Nhà đầu tư nước ngoài	11.525.381.861	11.218.468.782
	57.459.574.493	55.332.013.385

22 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	57.458.624.493	55.332.013.385
1.1. Nhà đầu tư trong nước	45.933.242.632	44.113.544.603
1.2. Nhà đầu tư nước ngoài	11.525.381.861	11.218.468.782
	57.458.624.493	55.332.013.385

23 . PHẢI TRẢ CỔ TỨC, GỐC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư	950.000	-
	950.000	-

24 . PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
1. Phải trả nghiệp vụ margin	46.213.067.374	19.597.251.653
1.1 Phải trả gốc margin	45.976.732.939	19.492.189.337
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>45.976.732.939</i>	<i>19.492.189.337</i>
1.2 Phải trả lãi margin	236.334.435	105.062.316
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>236.334.435</i>	<i>105.062.316</i>
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	21.114.961.224	4.878.538.672
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	21.114.445.000	4.874.196.000
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>21.114.445.000</i>	<i>4.874.196.000</i>
2.2 Phải trả lãi nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	516.224	4.342.672
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>516.224</i>	<i>4.342.672</i>
	67.328.028.598	24.475.790.325

25 . THU NHẬP**a) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	569.902	1.252.448
Từ tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	10.827.185.425	2.688.410.278
Từ các khoản cho vay	3.552.435.555	2.193.156.902
	14.380.190.882	4.882.819.628

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PINETREE

Tầng 20, Tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh,
Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

b) Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính		
	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập hoạt động khác	30.540.255	23.180.080
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu phí SMS	30.540.255	23.180.080
Thu nhập thuần hoạt động khác	30.540.255	23.180.080
26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu lãi liên gửi không kỳ hạn	364.865.128	83.146.425
Doanh thu dự thu lãi Quỹ hỗ trợ thanh toán	184.367.426	132.664.942
	549.232.554	215.811.367
27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	64.586.147	42.905.052
	64.586.147	42.905.052
28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN		
	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	5.929.347.416	897.054.195
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	358.247.112	84.506.097
Chi phí vật tư văn phòng	51.924.699	14.516.363
Chi phí công cụ, dụng cụ	511.323.382	455.373.221
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	53.599.170	45.985.716
Chi phí thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.826.881.191	767.950.230
Chi phí khác	3.000.000	-
	13.737.322.970	2.268.385.822
29 . THU NHẬP KHÁC		
	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	72.800.000	-
Thanh lý, nhượng bán công cụ dụng cụ	14.472.727	-
Các khoản khác	129.190	-
	87.401.917	-
30 . CHI PHÍ KHÁC		
	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lỗ từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	141.443.849	-
Giá trị chờ phân bổ của công cụ dụng cụ được thanh lý, nhượng bán	21.237.208	-
Các khoản bị phạt	8.751.917	1.000
Xử lý xóa nợ	25.646.856	20.000.000
Chi phí không có hóa đơn chứng từ hợp lệ	29.722.749	-
	226.802.579	20.001.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PINETREE

Tầng 20, Tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh,
Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

31 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(4.741.811.631)	5.146.104.740
Các khoản điều chỉnh tăng	38.474.666	-
- Chi phí không hợp lệ	38.474.666	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(569.902)	(4.978.575.527)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(569.902)	(1.252.448)
- Chuyển lỗ các năm trước (*)	-	(4.977.323.079)
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	167.529.213
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm 2011 vào thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp kỳ này theo Biên bản kiểm tra thuế năm 2019	(90.558.995)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	(90.558.995)	33.505.843
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	33.505.843	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(33.505.843)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	(90.558.995)	33.505.843

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(4.651.252.636)	5.112.598.897
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(4.651.252.636)	5.112.598.897
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	26.129.121	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(178)	511

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc/ Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc/ Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản trương đương tiền	184.597.135.898	-	7.715.798.841	-
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	12.760.130	-	26.310.858	(15.930.330)
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	294.875.685.000	-	48.670.169.000	-
Các khoản cho vay	67.091.177.939	-	24.366.385.337	-
Các khoản phải thu	5.920.366.549	-	317.091.456	-
	552.497.125.516	-	81.095.755.492	(15.930.330)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PINETREETầng 20, Tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh,
Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	726.342.106	480.890.596
Chi phí phải trả	836.069.565	116.348.374
	<u>1.562.411.671</u>	<u>597.238.970</u>

Theo quy định tại Thông tư 210/2009/TT-BTC, Thông tư 146/2014/TT-BTC, và Thông tư 334/2016/TT-BTC, tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	12.760.130	-	-	12.760.130
	<u>12.760.130</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>12.760.130</u>
Tại ngày 01/01/2019				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	10.380.528	-	-	10.380.528
	<u>10.380.528</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>10.380.528</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PINETREETầng 20, Tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh,
Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	184.597.135.898	-	-	184.597.135.898
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	294.875.685.000	-	-	294.875.685.000
Các khoản cho vay	67.091.177.939	-	-	67.091.177.939
Các khoản phải thu	5.920.366.549	-	-	5.920.366.549
	<u>552.484.365.386</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>552.484.365.386</u>
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.715.798.841	-	-	7.715.798.841
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	43.070.169.000	5.600.000.000	-	48.670.169.000
Các khoản cho vay	24.366.385.337	-	-	24.366.385.337
Các khoản phải thu	317.091.456	-	-	317.091.456
	<u>75.469.444.634</u>	<u>5.600.000.000</u>	<u>-</u>	<u>81.069.444.634</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2019				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	726.342.106	-	-	726.342.106
Chi phí phải trả	836.069.565	-	-	836.069.565
	<u>1.562.411.671</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.562.411.671</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PINETREETầng 20, Tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh,
Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 01/01/2019				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	480.890.596	-	-	480.890.596
Chi phí phải trả	116.348.374	-	-	116.348.374
	<u>597.238.970</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>597.238.970</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PINETREE

Tầng 20, Tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh,
Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán	Hoạt động đầu tư tự doanh	Các hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	7.387.678.373	7.259.854	14.510.161.235	21.905.099.462
Chi phí hoạt động	13.250.510.063	4.323.805	-	13.254.833.868
Doanh thu không phân bổ	-	-	-	549.232.554
Chi phí không phân bổ	-	-	-	13.801.909.117
Kết quả hoạt động	(5.862.831.690)	2.936.049	14.510.161.235	(4.602.410.969)
Tài sản bộ phận trực tiếp	3.531.296.354	12.760.130	366.269.858.494	369.813.914.978
Tài sản không phân bổ	-	-	230.742.561.426	230.742.561.426
Tổng tài sản	3.531.296.354	12.760.130	597.012.419.920	600.556.476.404
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	437.332.051	-	20.000.000	457.332.051
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	2.300.169.571	2.300.169.571
Tổng nợ phải trả	437.332.051	-	2.320.169.571	2.757.501.622

Theo khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được thực hiện chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PINETREETầng 20, Tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh,
Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
		VND	VND
Tiền thuê Văn phòng			
Ông Nguyễn Huy Dương	Thành viên Hội đồng quản trị	160.000.000	-

Ngoài các thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	1.355.532.858	135.863.200

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


Trần Thị Minh Hiền
Người lập

Đinh Thị Lan Phương
Kế toán trưởng**Lee Jun Hyuck**
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2020